UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: TỪ PHÁP HỌC TIẾNG KHMER

Mã số học phần: 170105

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: **TỪ PHÁP HỌC TIẾNG KHMER**

Tên Tiếng Anh: **KHMER MORPHOLOGY**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sư phạm Ngữ văn và Ngôn ngữ Khmer
Khoa: Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết; 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 11 tuần.
- 10 tuần (04 tiết /tuần)
- 1 tuần (05 tiết /tuần)

Học kỳ: 5 (Học kì 1 năm thứ 3)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: ThS. Tăng Văn Thòn *(SĐT:0384976927; Email: tvthon@tvu.edu.vn).*
ThS. Ngô Phú Hải *(SĐT: 0902609650; Email: nphai@tvu.edu.vn).*
- GV cùng giảng dạy: CN. Thạch Sê Ha *(SĐT:0333880347; Email:thseha@tvu.edu.vn).*
ThS. Huỳnh Sang *(Email: hsangtvu@tvu.edu.vn)*

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: *Từ vựng học tiếng Khmer*

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☑					
Bắt buộc ☐	Bắt buộc ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☑		Tốt nghiệp ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Khmer ☑ Tiếng Việt ☑

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 1
- Ngày hiệu chỉnh: 7/2020
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kê mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2017)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Qui định của Trường Đại học Trà

Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về cấu tạo từ và đơn vị cấu tạo từ trong tiếng Khmer. Từ đó, giúp sinh viên vận dụng vào việc phân tích cấu tạo từ và sử dụng từ chính xác, phù hợp ngữ cảnh trong tiếng Khmer.

IV. Mục tiêu và Kết quả học tập mong đợi

**** Kết quả học tập mong đợi***

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*
- *Bỏ trống nếu không có đồng ý*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
170105	TPHTK		H		H	M	M			M		M	

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO 1	Nhận biết các hình vị và loại hình vị trong tiếng Khmer	ELO: 2,4
CELO 2	Nhận biết chức năng của hình vị trong việc cấu tạo từ trong tiếng Khmer	ELO: 2,4
CELO 3	Miêu tả cấu trúc hình vị trong tiếng Khmer	ELO: 2,4
CELO 4	Khái quát vấn đề phân loại từ và từ loại trong tiếng Khmer.	ELO: 2,4
Kĩ năng		
CELO 5	Phân xuất hình vị trong từ	ELO: 5,6, 9
CELO 6	Phân tích từ theo cấu tạo	ELO: 5,6, 9
CELO 7	Phát triển kĩ năng phân tích, quan sát; kĩ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm;…	ELO: 5,6, 9
Thái độ		

CELO 8	Hình thành thói quen quan sát các hiện tượng ngôn ngữ trong sinh hoạt; thái độ đúng đắn với các từ mới xuất hiện, cách dùng từ của người sử dụng ngôn ngữ Khmer	ELO: 11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

5.1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Powerpoint
- Thảo luận nhóm, thuyết trình
- Nêu vấn đề, đặt câu hỏi đàm thoại.
- Tổ chức cho sinh viên trao đổi, tranh luận,… các vấn đề thảo luận trên diễn đàn và làm bài tập trên khóa học e-learning.

5.2. Phương pháp học tập

- Lắng nghe, trả lời câu hỏi
- Đọc tài liệu trước khi đến lớp, thảo luận, đặt câu hỏi
- Thuyết trình và làm bài luận.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự ít nhất 80%.
- Đọc trước giáo trình và xem tài liệu.
- Tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi, cầu thị.
- Tham gia thảo luận và làm bài tập trên khóa học E-learning.

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá chuyên cần tham gia trả lời câu hỏi (chiếm 10%).
- Đánh giá quá trình: 01 lần (chiếm 40%) kiểm tra viết.
- Đánh giá kết thúc học phần: thi viết cuối kỳ (TNKQ và TL) (chiếm 50%)

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Nội dung học phần:

- Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80 % thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm cung cấp cho người học (i) Kiến thức cơ bản về hình vị tiếng Khmer, phương thức cấu tạo từ, (ii) phân loại hình vị, phân loại từ theo cấu tạo.

- Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng phát hiện sự biến đổi, giao thoa giữa Khmer ngữ với một số ngôn ngữ khác, những lưu ý khi sử dụng từ trong giao tiếp, hành văn, phân tích các công trình đã công bố có liên quan đến Khmer ngữ.

8.2. Hình thức đánh giá:

Chương	CELO	Hình thức	Nội dung đánh giá

		đánh giá	
Chương I **Hình vị tiếng Khmer**	CELO 1, 5, 7, 8	Kiểm tra viết	- Phân xuất hình vị trong từ - Phân tích cấu tạo từ; phân loại từ theo cấu tạo
Chương II **Ý nghĩa và khả năng hoạt động của hình vị tiếng Khmer**	CELO 2, 6, 7, 8		
Chương III **Vấn đề từ loại và phân loại từ theo cấu tạo trong tiếng Khmer**	CELO 3, 4, 7, 8		

Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu ✓vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (10%)	Bài tập/ Thuyết trình (20%)	Bài luận (20%)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X	X	X	X
CELO2	X	X	X	X
CELO3	X	X	X	X
CELO4	X	X	X	X
CELO5	X	X	X	X
CELO6	X	X	X	X
CELO7	X	X	X	X
CELO8	X	X	X	X

IX. Nội dung chi tiết của học phần (08 tuần)

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của HP (CELO)
1, 2, 3	**Chương I: Hình vị tiếng Khmer**	CELO 1, 5, 7, 8
	1. រូបសព្ទ	
	2. បែងប្រភេទ	
4, 5,6	**Chương II : Ý nghĩa và khả năng hoạt động của hình**	CELO 2, 6, 7, 8

	vị tiếng Khmer	
	1. ពាក្យផ្សំ - ពាក្យភ្ជាប់ - ពាក្យដែក	
	2. ពាក្យជាន់ - ពាក្យផ្តួន - អក្ខរាស	
7, 8,9, 10,11	**Chương III : Vấn đề từ loại và phân loại từ theo cấu tạo trong tiếng Khmer**	CELO 3, 4, 7, 8
	1. ពាក្យសមាស	
	2. ឃ្លាក់ពាក្យ	

X. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Phan Ngọc (2013), *Hình thái học trong Từ láy Tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Tô Minh Thanh (2013), *Hình thái học tiếng Anh*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM).

3. Thạch Sê Ha (2018), *Tài liệu hướng dẫn Từ nguyên học trong tiếng Khmer*, Trường Đại học Trà Vinh

Tiếng nước ngoài (nếu có)

4. អុកឈួន (១៩៨០), *វចនសព្ទវិទ្យា និងវេយ្យាករណ៍វិទ្យា*, សាកលវិទ្យាល័យភូមិន្ទភ្នំពេញ។

5. ឡងសៀម (១៩៩៩), *បញ្ហាវចនសព្ទវិទ្យាខ្មែរ*, រិដ្ឋាស្ថានភាសាវិទ្យាជាតិ។

6. ឃិនសុខ (២០០៧), *វេយ្យាករណ៍ខ្មែរ*, សាកលវិទ្យាល័យភូមិន្ទភ្នំពេញ។

7. ឈុនលិះ (១៩៨០), *វេយ្យាករណ៍ខ្មែរ*, អាគាបោះពុម្ពបន្ទាយស្រី។

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu

TRƯỞNG KHOA	**TRƯỞNG BỘ MÔN**	**GV BIÊN SOẠN**
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*
		Tăng Văn Thòn

KHOA NGÔN NGỮ - VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT KHMER NAM BỘ

LỚP: ……

MÃ LỚP:…….

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá): .....
2. Chức danh, học vị: .....
3. Đơn vị công tác: .....
4. Họ và tên sinh viên thực hiện: .....
5. Môn học: Từ pháp học tiếng Khmer
6. Địa điểm thực hiện:.....
7. Thời gian đánh giá:.....

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần tham gia trả lời câu hỏi

Tiêu chí	**Điểm số (Thang điểm 10)**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
		100%	*75%*	*50%*	*0%*
Chất lượng câu hỏi	4	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp
Chất lượng đóng góp ý kiến	4	Phân tích, đánh giá đầy đủ, đúng và logic	Phân tích, đánh giá đúng nhưng chưa đầy đủ và logic	Phân tích, đánh khá logic nhưng chưa đủ	Phân tích, đánh giá lạc đề
Mức độ tham gia	2	>4 lượt	3-4 lượt	1-2 lượt	Không tham gia

Rubric 2: Kiểm tra viết

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt 100%**	**Khá 75%**	**Trung bình 50%**	**Kém 0%**
Bài tập 1	50%	Đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về nội dung	Khá đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Tương đối đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan	Kết quả bài tập không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu

				trọng	
Bài tập 2	50%	Đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về nội dung	Khá đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Tương đối đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả bài tập không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu

RUBRIC 3: Thi viết TNKQ và Tự luận (Đánh giá kết thúc môn)

Tiêu chí	**Điểm**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	10	**100%**	**75%**	**50%**	**0%**
Trắc nghiệm khách quan	3.0	Trả lời đúng tất cả nội dung	Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng
Tự luận	7.0	Trả lời đúng tất cả nội dung	Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng	Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng